

Số: 78/2016/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 08 tháng 12 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời hệ phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 3322/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời hệ phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời hệ phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời hệ phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**2. Đối tượng nộp phí**

Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được phép sử dụng tạm thời hệ phố vào mục đích sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng, hệ phố.

3. Đối tượng miễn giảm nộp phí: không

4. Tổ chức thu phí

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

5. Mức thu phí

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ
1	Tại địa bàn Phường Hợp Giang thành phố Cao Bằng	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	50.000	Để lại đơn vị thu 40%; 60% nộp ngân sách
2	Tại địa bàn các xã, phường còn lại của thành phố và các huyện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	đồng/m <sup>2</sup> /tháng	40.000	Để lại đơn vị thu 40%; 60% nộp ngân sách

6. Kê khai, nộp phí

a) Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước;

b) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai phí theo tháng và quyết toán phí theo năm theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

7. Quản lý và sử dụng phí

a) Đối với địa bàn các huyện, thành phố Cao Bằng: Tổ chức thu phí được để lại 40% (bốn mươi phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; số còn lại 60% (sáu mươi phần trăm) phải nộp vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số

83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

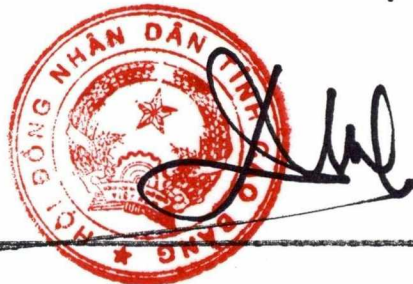
**Điều 4.** Nghị quyết này bãi bỏ, các quy định về mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu phí, thuộc lĩnh vực giao thông vận tải tại Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 15/7/2012 của HĐND tỉnh Cao Bằng Ban hành danh mục, mức thu phí, lệ phí và học phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 15/7/2012 của HĐND tỉnh Cao Bằng Ban hành danh mục, mức thu phí, lệ phí và học phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 28/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc sửa đổi Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 15/7/2012 và Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục, mức thu phí, lệ phí và học phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVI Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./. *ng*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
  - Chính phủ;
  - Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
  - Vụ Ngân sách Bộ Tài chính;
  - Thường trực Tỉnh ủy;
  - Thường trực HĐND tỉnh;
  - Ủy ban nhân dân tỉnh;
  - Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh;
  - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
  - Các Đại biểu HĐND tỉnh;
  - Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
  - Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
  - Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, STC. ĐH (140 b).

**CHỦ TỊCH**



**Đàm Văn Eng**